

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2017
V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 84A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị C, sinh năm 1979. Có mặt.
Trú tại: Tổ X, khu phố Y, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn:* Ông Bùi Đức K, sinh năm 1974. Vắng mặt.
Trú tại: Đội D, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Bùi Thị C trình bày :

Bà kết hôn với ông Bùi Đức K trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 07/10/2008. Quá trình chung sống, bà và ông K chung sống hạnh phúc đến năm 2010, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế vợ chồng không có sự thống nhất, ông K thường xuyên bắt ép bà C phải trả các

khoản nợ riêng của chồng và gia đình bên chồng, do bà không đáp ứng được nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà đã cắt đứt liên lạc, không có sự quan tâm đến nhau, ông K cũng không thăm nom, quan tâm, chăm sóc các con. Nhận thấy giữa bà và ông K không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà C và ông K có 02 con chung là Bùi Ngọc Minh C1, sinh ngày 15/4/2009 và Bùi Ngọc Minh A, sinh ngày 09/01/2011, hiện cả hai cháu đều đang ở với bà C. Khi ly hôn, bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C, ông K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Bà C, ông K không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Bùi Đức K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 68; 70; 71; 72; 97; 196; 202; 203; 220; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C, cho bà C được ly hôn với ông K.

+ Về con chung: Giao hai cháu Bùi Ngọc Minh C1, sinh năm 2009 và Bùi Ngọc Minh A, sinh năm 2011 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Thị C có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Bùi Đức K. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Bùi Đức K hiện đang trú tại: Đội D, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Bùi Đức K nhưng ông K không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Đức K vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị C và ông Bùi Đức K đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 07/10/2008, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà C xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế vợ chồng không có sự thống nhất, ông K thường xuyên bắt ép bà C phải trả các khoản nợ riêng của chồng và gia đình bên chồng, do bà không đáp ứng được nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2010 cho đến nay.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng bà C, ông K đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà C, ông K đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2010 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông K có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Bà C và ông K đã sống ly thân từ giữa năm 2010 cho đến nay, bà C đã cương quyết xin ly hôn với ông K vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận

yêu cầu xin ly hôn của bà C, giải quyết cho bà C được ly hôn với ông K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Bà C và ông K có 02 con chung là Bùi Ngọc Minh C1, sinh ngày 15/4/2009 và Bùi Ngọc Minh A, sinh ngày 09/01/2011, hiện cả hai cháu đang sống với bà C. Nhận thấy, từ khi sinh ra cho đến nay, các cháu C1, A được bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay các cháu vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Cháu C1 có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó cần tiếp tục giao các cháu Bùi Ngọc Minh C1, Bùi Ngọc Minh A cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Bà C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị C.

1. *Về hôn nhân*: Bà Bùi Thị C được ly hôn với ông Bùi Đức K.

2. *Về nuôi con chung*: Giao các cháu Bùi Ngọc Minh C1, sinh ngày 15/4/2009 và Bùi Ngọc Minh A, sinh ngày 09/01/2011 cho bà Bùi Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi Thị C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Ông Bùi Đức K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Bà C xác định không có nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Bùi Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà C đã nộp tại biên lai số 0003962 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Phú Túc,
huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đại Minh